

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình P.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết M.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn T1 – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 286/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hoàng A** – Sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh G (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B** – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: Khu phố K, thị trấn H, huyện E, tỉnh G (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2024 và ngày 15 tháng 10 năm 2024 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng A yêu cầu:

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Nguyễn Văn B có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện E, tỉnh G (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn H) vào ngày 08/5/2013. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nghi ngờ lòng chung thủy của chị A nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 8 năm 2024, chị A về nhà cha, mẹ chị ở D sinh sống và cũng từ đó, chị A và anh B không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay. Nay chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

1.2. Về con chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung tên: Nguyễn Hoàng Thanh Z, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Hoàng Thanh X, sinh ngày 20/3/2020, hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu nhận nuôi cháu X và giao cháu Z cho anh B nuôi dưỡng, nếu anh B không nuôi thì chị A yêu cầu nhận nuôi hai cháu X và Z và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B: Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2025 và biên bản hòa giải ngày 20/02/2025, anh B trình bày về điều kiện kết hôn giống như chị Nguyễn Thị Hoàng A khai, còn về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình sinh sống, do chị A hay đi chơi về khuya nên trong lúc nóng giận, vợ chồng có nói qua nói lại. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 8 năm 2024, chị A về nhà cha, mẹ chị ở D sinh sống, anh B đã nhiều lần đến nói chị A về nhưng chị A không về. Nay chị Nguyễn Thị Hoàng A yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh rất thương hai con anh nên anh yêu cầu đoàn tụ để các con có đủ cha và mẹ.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Hoàng A có hai con như chị A khai và hiện nay hai con đang sống với chị A, nếu Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, anh B xin nhận nuôi cháu Z và giao cháu X cho chị A nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào nhưng anh B rất muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi hai con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tại phiên tòa hôm nay đã nêu rõ trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo

quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Hoàng A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thanh X, sinh ngày 20/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Hoàng Thanh Z, sinh ngày 16/12/2013 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Nguyễn Văn B nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí HNST: Chị Nguyễn Thị Hoàng A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Nguyễn Văn B có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện E, tỉnh G (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn H) vào ngày 08/5/2013. Hôn nhân của chị A và anh B là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A hay đi chơi về khuya anh B nghi ngờ lòng chung thủy của chị A nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 8 năm 2024, chị A về nhà cha, mẹ chị ở D sinh sống, anh B đã nhiều lần đến nói chị A về nhưng chị A không về, và cũng từ đó chị A và anh B không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay. Anh B không đồng ý ly hôn vì anh B còn thương con nên anh yêu cầu đoàn tụ để các con có đủ cha và mẹ nhưng anh cũng không đưa ra được phương hướng hay giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ nên yêu cầu đoàn tụ của anh B nhằm kéo dài tình trạng hôn nhân không được chấp nhận. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân của chị A và anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị

Nguyễn Thị Hoàng A là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh, chị.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung tên: Nguyễn Hoàng Thanh Z, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Hoàng Thanh X, sinh ngày 20/3/2020, hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng nuôi cháu X, giao cháu Z cho anh B và anh B thống nhất tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2025 và biên bản hòa giải ngày 20/02/2025. Xét yêu cầu nuôi con của chị A và anh B là chính đáng, hiện nay cháu X và cháu Z đang sống với chị A, đồng thời xét nguyện vọng của cháu Z muốn ở với anh B, áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu nên giao cháu X cho chị A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Z cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế cuộc sống của các cháu và không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNST: Chị Nguyễn Thị Hoàng A phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh G phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Hoàng A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thanh X, sinh ngày 20/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Hoàng A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Hoàng Thanh Z, sinh ngày 16/12/2013 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng

và không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí HNST: Chị Nguyễn Thị Hoàng A phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, chị A đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007021 ngày 29/10/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện E, nay được khấu trừ.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh G;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND thị trấn H;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đ